TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-VDS	*Phú Thọ, ngày 27 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi)
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Thư ký phiên họp: Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST-VDS, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc *"Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi"* theo Quyết định mở phiên họp số: 34/2025/QĐST-VDS, ngày 23 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây;

*** <u>Người yêu cầu giải quyết việc dân sự</u>:**

Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T; sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị L; sinh năm 1959

Đều cư trú tại: Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ

Ông T và bà L đều có mặt.

*** <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:**

1. Chị Nguyễn Thị Quỳnh H; sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 11 Hanh Cù, xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

2. Ông Nguyễn Minh H1; sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 10 Hanh Cù, xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

3. Bà Đỗ Thị Kim P; sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi thường trú: Thôn N, xã B, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Số nhà B, khu B, xã T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Năm 2012, vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L và vợ chồng ông Nguyễn Minh H1, bà Đỗ Thị Kim P (bà L là chị gái bà P) tự nguyện thống nhất để cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 29/12/1996 là con đẻ của vợ chồng ông H1, bà P làm con nuôi của vợ chồng ông T, bà L. Việc vợ chồng ông T, bà L nhận chị Nguyễn Thị Quỳnh H làm con nuôi được Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã T), tỉnh Phú Thọ công nhận tại *"Giấy chứng nhận nuôi con nuôi"* số 01/2012 ngày

20/4/2012 và *"Biên bản giao nhận con nuôi"* ngày 20/4/2012. Sau khi nhận chị H làm con nuôi, vợ chồng ông T, bà L đã làm lại Giấy khai sinh cho chị H, thay đổi họ tên cha là Nguyễn Trọng T, họ tên mẹ là Đỗ Thị L. Kể từ khi chị H được nhận làm con nuôi, về ở với vợ chồng ông T, bà L được ông T, bà L chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, đầy đủ, quyền lợi được đảm bảo. Nay chị H đã thành niên, có nguyện vọng chấm dứt việc nuôi con nuôi để về chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ đẻ vì vậy ông T, bà L là bố mẹ nuôi, chị H và bố mẹ đẻ chị H là ông H1, bà P đều thống nhất yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông T, bà L đối với chị H.

- Về tài sản riêng và công sức: Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L, vợ chồng ông Nguyễn Minh H1, bà Đỗ Thị Kim P và chị Nguyễn Thị Quỳnh H xác nhận kể từ khi được nhận làm con nuôi về ở chung cùng vợ chồng ông T, bà L, chị H không có tài sản riêng, không có công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ nhận định:

[1]. Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L về việc *"Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi"*, do con nuôi và bố mẹ nuôi đều cư trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 10 của Luật Nuôi con nuôi.

[2]. Xét yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của các đương sự thấy rằng: Việc chị Nguyễn Thị Quỳnh H được nhận làm con nuôi là do sự tự nguyện của bố mẹ đẻ là vợ chồng ông H1, bà P và bố mẹ nuôi là vợ chồng ông T, bà L; việc cho và nhận con nuôi đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi, không trái đạo đức xã hội và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 22 Luật Nuôi con nuôi, do vậy việc cho và nhận nuôi con nuôi là hoàn toàn đúng pháp luật. Kể từ khi chị H được vợ chồng ông T, bà L nhận làm con nuôi thì được quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, mọi quyền lợi được đảm bảo. Nay chị Nguyễn Thị Quỳnh H đã thành niên, bố mẹ nuôi là vợ chồng ông T, bà L, bố mẹ đẻ chị H là vợ chồng ông H1, bà P và con nuôi là chị H đều đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Xét yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 25 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26 Luật Nuôi con nuôi. Do vậy để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho con nuôi, bố mẹ nuôi và bố mẹ đẻ nên yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của các đương sự được chấp nhận.

Do chị Nguyễn Thị Quỳnh H đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên không phải giao cho bố mẹ đẻ hoặc tổ chức, cá nhân khác chăm sóc nuôi dưỡng.

[3]. Về tài sản riêng và công sức: Vợ chồng ông T, bà L là bố mẹ nuôi, vợ chồng ông H1, bà P là bố mẹ đẻ và chị Nguyễn Thị Quỳnh H là con nuôi đều xác nhận trong thời gian làm con nuôi, ở cùng vợ chồng ông T, bà L, chị H không có tài sản riêng, không có công sức đóng góp, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L là người có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nhưng là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền lệ phí Tòa án nên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5]. Tại phiên họp, Kiểm sát viên tham gia phiên họp có quan điểm như sau: Xác định quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp chấp nhận yêu cầu của đương sự, đề nghị Tòa án ra quyết định tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi của vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Quỳnh H. Về tài sản riêng và công sức không có nên không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, khoản 1 Điều 25 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L.

Tuyên bố: Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi là vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Quỳnh H; sinh ngày 29/12/1996.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi là vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L với con nuôi là chị Nguyễn Thị Quỳnh H chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đẻ là vợ chồng ông Nguyễn Minh H1, bà Đỗ Thị Kim P và con đẻ là chị Nguyễn Thị Quỳnh H được khôi phục kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh H có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh lại theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng T, bà Đỗ Thị L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết việc dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND Khu vực 3 - Phú Thọ;
- Phòng THADS KV3 - Phú Thọ;
- UBND xã T, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Tạ Hồng Tuấn